

## MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
PHẦN I.....	6
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI .....	6
1.1. Điều kiện tự nhiên .....	6
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	7
PHẦN II .....	12
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 .....	12
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....	12
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 ....	27
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021 .....	27
PHẦN III .....	28
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	28
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất .....	28
3.2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành lĩnh vực.....	28
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất.....	28
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân.....	31
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.....	32
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	54
3.5. Diện tích đất cần thu hồi .....	54
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng .....	55
3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022.....	55
3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất .....	59
PHẦN IV .....	63
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	63
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	63
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	61

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất...	63
4.4. Các giải pháp khác .....	64
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	66
1. Kết luận .....	66
2. Kiến nghị .....	66

## ĐẤT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn lực to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng.

Luật Đất đai năm 2013 tại Mục 4, điều 22 quy định: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai. Công tác lập kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và rất cần thiết, đây là cơ sở pháp lý có tính bắt buộc trong các quy định của pháp luật về quản lý đất đai, để tiến hành thực hiện các trình tự thủ tục về bồi thường, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; tạo điều kiện để thúc đẩy các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, để từng bước đưa công tác quản lý đất đai của địa phương sớm đi vào nề nếp, đảm bảo sự phát triển chung của huyện cũng như toàn tỉnh Điện Biên, phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

Thực hiện Luật đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Nhà nước về đất đai có liên quan, theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kết hợp với sự chỉ đạo của UBND tỉnh Điện Biên và Sở Tài Nguyên và Môi trường, UBND huyện Tủa Chùa đã tiến hành lập ***“Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên”***.

## ***1. Cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất***

### ***1.1. Cơ sở pháp lý***

- Luật Đất đai năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 29/11/2018 về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị quyết số 815/NQ-UBTVQH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Điện Biên;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 19/2017/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 6 năm 2016 hướng dẫn chi tiết điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Thống kê, kiểm kê đất đai và lập bảng đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Điện Biên chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2021; Hủy bỏ danh mục dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh Điện Biên chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2021; Hủy bỏ danh mục dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua nhưng chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 65/NQ- HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 của HĐND tỉnh chấp thuận danh mục dự án cần thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào các mục đích khác năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 103/NQ-UBND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Chấp thuận bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2012 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2020 định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại

rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;

- Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn năm 2020, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 800/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư một số dự án chuẩn bị đầu tư, sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định 1326/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện.

- Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1454/QĐ -TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3247/Q - UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 và giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 3248/Q -UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2022 tỉnh Điện Biên;

### ***1.2. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ***

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của huyện Tủa Chùa;
- Số liệu thống kê đất đai năm 2020 của huyện Tủa Chùa
- Báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tủa Chùa;
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tủa Chùa;
- Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2020;
- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Tủa Chùa;
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Tủa Chùa;
- Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 huyện Tủa Chùa.
- Các tài liệu khác có liên quan.

## PHẦN I

### KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

#### 1.1. Điều kiện tự nhiên

##### 1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Tủa Chùa là một huyện miền núi vùng sâu, vùng xa của tỉnh Điện Biên, có giới hạn địa lý từ 24<sup>0</sup>04' - 24<sup>0</sup>50' Vĩ độ Bắc, 103<sup>0</sup>21' - 103<sup>0</sup>42' Kinh độ Đông. Địa giới hành chính của huyện được xác định như sau:

Phía Bắc giáp huyện Sìn Hồ (*tỉnh Lai Châu*);

Phía Đông giáp huyện Quỳnh Nhai (*tỉnh Sơn La*);

Phía Nam giáp huyện Tuần Giáo;

Phía Tây giáp huyện Mường Chà.

Trung tâm huyện lỵ huyện Tủa Chùa cách Quốc lộ 6 khoảng 18 km và cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 125 km về phía Đông Bắc. Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 68.414,88 ha, chiếm 7,17% tổng diện tích tự nhiên của toàn tỉnh. Huyện có 11 xã và 1 thị trấn.

##### 1.1.2. Địa hình, địa mạo

Tủa Chùa có địa hình phức tạp, chia cắt mạnh, gồm nhiều núi cao, vực sâu, hướng núi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có độ cao trung bình từ 300-1.600 m so với mặt nước biển. Núi ở đây bị bào mòn mạnh tạo thành các thung lũng hẹp và các bãi bồi dọc theo các sông suối. Nhìn chung, địa hình Tủa Chùa có 3 dạng chính:

- *Địa hình đồi núi cao, sườn dốc*: chiếm khoảng 77% tổng diện tích đất tự nhiên của huyện, phân bố chủ yếu theo vùng Đông Bắc và Tây Nam.

- *Địa hình đồi thấp, sườn thoải*: chiếm 18% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bố chủ yếu ở vùng Đông Nam của huyện.

- *Địa hình thung lũng, bãi bằng*: chiếm 5% tổng diện tích đất tự nhiên, nằm xen kẽ giữa các dãy núi cao và dọc theo các sông suối, có độ dốc nhỏ hơn 25<sup>0</sup>. Loại địa hình này phân bố chủ yếu dọc theo sông Nậm Mực và Sông Đà ở khu vực phía Nam của huyện.

##### 1.1.3. Khí hậu

Tủa Chùa mang nét đặc trưng của khí hậu vùng Tây Bắc, khu vực khí hậu nhiệt đới núi cao, lượng mưa trung bình hàng năm thấp và được chia thành 2 mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa.

- *Nhiệt độ*: Tủa Chùa có khí hậu tương đối mát mẻ. Nhiệt độ biến động từ 15,2°C đến 27,2°C, nhiệt độ cao nhất là 27,2°C (*tháng 5 và tháng 6*); nhiệt độ



thấp nhất là 15,2°C (tháng 1).

- *Lượng mưa*: biến động từ 1.700-2.000 mm, phân bố không đều trong năm; lượng mưa lớn nhất tập trung vào các tháng 5, tháng 6, tháng 7, tháng 8; mùa khô lượng mưa rất thấp vào tháng 12, tháng 1, tháng 2, có tháng không mưa (tháng 12 năm 2012).

- *Độ ẩm*: trung bình năm là 85% và ít có biến động giữa các tháng trong năm. Độ ẩm mùa khô thấp càng gây ra hiện tượng bốc hơi mạnh, làm cho nhu cầu về nước của cây trồng càng lớn hơn, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

- *Gió*: vào các tháng mùa đông, trên địa bàn huyện chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, khô và lạnh. Gió mùa Đông Nam xuất hiện vào các tháng mùa mưa, gió Tây Nam (*gió Lào*) thường xuất hiện vào tháng 3, 4 hàng năm có đặc điểm là khô và nóng.

#### **1.1.4. Thủy văn**

Huyện Tủa Chùa nằm trên địa hình núi cao, độ dốc lớn nên các nguồn tài nguyên nước ít. Nguồn nước chảy chủ yếu từ các suối ngắn, nhỏ. Quanh huyện có 2 sông lớn là sông Đà và sông Nậm Mực:

- *Sông Đà (nay là hồ thủy điện Sơn La)*: chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, theo ranh giới Tủa Chùa - Sìn Hồ và Tủa Chùa - Quỳnh Nhai (*tỉnh Sơn La*), sông có lưu lượng dòng chảy lớn, nằm ở dưới thấp, nên khả năng khai thác sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp thấp.

- *Sông Nậm Mực*: chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, là ranh giới tiếp giáp giữa huyện Tủa Chùa với huyện Mường Chà, huyện Tuần Giáo.

- *Các suối chính*: gồm suối Nà Sa, suối Tà Là Cáo, suối Nậm Seo... Các suối đều có đặc điểm ngắn, độ dốc cao, lưu vực nhỏ, nhiều thác, lưu lượng thay đổi theo mùa, khả năng khai thác ít hiệu quả.

Mức độ tập trung nước không đều giữa các mùa: mùa mưa, lưu lượng dòng chảy lớn, kết hợp với địa hình dốc, nước chảy xiết, có khi dư thừa nước, gây lũ quét; nhưng đến mùa khô thì nước lại khan hiếm, không đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất.

### **1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội**

#### **1.2.1. Điều kiện kinh tế**

##### **1.2.1.1. Nông nghiệp**

Nông nghiệp là ngành chủ chốt trong cơ cấu kinh tế của huyện Tủa Chùa, hoạt động sản xuất ngành nông nghiệp đã từng bước phát triển, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh lương thực, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của địa phương.

a) Trồng trọt: Ngành trồng trọt hiện đang là ngành chính của nông nghiệp, tạo ra khối lượng sản phẩm lương thực, thực phẩm lớn. Cụ thể:

- *Cây lương thực có hạt*

+ Cây lúa: Diện tích gieo trồng lúa xuân 581 ha, năng suất đạt 60,3 tạ/ha, sản lượng đạt 3.561,50 tấn. Diện tích gieo trồng Lúa mùa 2.038 ha. Diện tích gieo trồng Lúa nương 1.781 ha.

+ Cây ngô: Gieo trồng 5.164 ha, năng suất đạt 24,15 tạ/ha, sản lượng đạt 12.389,56 tấn.

+ Cây sắn: Diện tích trồng 345 ha, năng suất đạt 109,58 tạ/ha, sản lượng đạt 3.780,5 tấn.

+ Khoai: Diện tích trồng 81 ha, sản lượng đạt 684,5 tấn.

- *Cây công nghiệp*

+ Cây đậu tương: Trồng được 298,00 ha trong đó đậu tương xuân có năng suất đạt 13,6 tạ/ha.

+ Cây lạc: Trồng 39,00 ha, năng suất đạt 11,8 tạ/ha, sản lượng đạt 46 tấn.

+ Cây chè: Tiếp tục vận động nhân dân bảo vệ, chăm sóc 595,89 ha chè hiện có, sản lượng chè búp tươi đạt 53 tấn, sản lượng chè thương phẩm chế biến đạt 8,8 tấn.

b) Chăn nuôi: Cấp phát 68.040 liều vắc xin; 1.000 lít hóa chất thực hiện tiêm phòng, phun phòng định kỳ vụ xuân hè và vụ thu đông. Trong 9 tháng đầu năm trên địa bàn các xã Tủa Thành, Mường Đùn; Mường Báng và Thị trấn Tủa Chùa tái phát bệnh dịch tả lợn Châu Phi làm chết 412 con lợn, tiêu hủy 20.539 kg; thực hiện hỗ trợ 14,1 triệu đồng cho chủ vật nuôi có lợn bị mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi năm 2020; 543 triệu đồng cho 146 hộ có trâu, bò bị chết do rét đậm, rét hại; tổng đàn gia súc, gia cầm đạt 343.845 con; kiểm soát giết mổ 164 contrâu, bò, 2.924 con lợn, thu phí nộp ngân sách Nhà nước 22,764 triệu đồng.

c) Thủy sản: Toàn huyện có 70 ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản, 59 lồng bè; sản lượng nuôi trồng đạt 76,64 tấn (đạt 91,2% kế hoạch), sản lượng khai thác, đánh bắt đạt 36,8 tấn (đạt 73,6% kế hoạch).

d) Lâm nghiệp: Bảo vệ diện tích rừng hiện có; chăm sóc 990 ha rừng chuyển tiếp, triển khai thiết kế diện tích đăng ký khoanh nuôi tái sinh năm 2021, hiện tại khảo sát sơ bộ được 150/200 ha; cấp phát 13.495 cây giống lâm nghiệp cho các đơn vị, trường học và một số hộ dân thực hiện Tết trồng cây; phối hợp với Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh kiểm tra, nghiệm thu diện tích hết thời gian đầu tư rừng trồng thay thế 2016. Xây dựng kế hoạch khắc phục rừng trồng

thay thế 2016 chưa đảm bảo, vận động nhân dân trồng khắc phục được 34,75/47,88 ha đạt 71,2% diện tích. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng qua kiểm tra phát hiện 27 vụ vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng, thu giữ 74,507 m<sup>3</sup> gỗ các loại; 1 cửa xăng; 2 xe máy; thu nộp ngân sách Nhà nước 150,3 triệu đồng.

#### ***1.2.1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp***

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (theo giá gốc so sánh năm 2010) đạt 71 tỷ đồng (đạt 54,6% kế hoạch).

#### ***1.2.1.3. Thương mại - dịch vụ***

Hoạt động thương mại trên địa bàn huyện diễn ra bình thường, hàng hóa đa dạng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; cung cấp đầy đủ các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 414,6 tỷ đồng.

#### ***1.2.2. Dân số, lao động và việc làm***

Năm 2021, tổng dân số toàn huyện là 60.316 người. Mật độ dân số trung bình là 85 người/km<sup>2</sup>. Chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình được bảo đảm; công tác truyền thông nâng cao nhận thức của người dân về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết được triển khai sâu rộng đến cơ sở, Trong năm có 156 trường hợp tảo hôn, không có người hôn nhân cận huyết; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi, 5 tuổi vẫn ở mức cao (Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 83,4 ‰; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi 88,2 ‰).

Duy trì việc làm thường xuyên cho 34.238 người, tạo việc làm mới 561 người; tư vấn và tuyển dụng 70 lao động đi làm việc trong nước theo hợp đồng có thời hạn. Tổ chức rà soát, lập danh sách 1.716 người lao động đang làm việc ở ngoài tỉnh, đặc biệt là làm việc tại tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương để hướng dẫn khai báo, cách ly y tế để phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo quy định.

#### ***1.2.3. Điều kiện cơ sở hạ tầng***

##### **a) Giao thông**

Toàn huyện hiện có 856 km đường bộ (trong đó: 220 km đường nhựa, 122 km đường bê tông, 158 km đường cấp phối, 356 km đường đất); 60 km đường thủy; mở rộng, cắt cua, rãnh thoát nước trên tuyến đường tỉnh lộ 140 (đoạn Thị trấn đi Sính Phình...); chỉ đạo các xã tu sửa các tuyến đường giao thông liên xã, liên thôn, bản.

Mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn trên địa bàn huyện không

ngừng được cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cả về số lượng và chất lượng.

- *Đường tỉnh lộ 140*: tuyến Huổi Loóng - Tủa Chùa dài 20 km (trong đó gồm 2 km đường nội thị), kết cấu đường nhựa, được đầu tư xây dựng từ năm 2000, hiện đã xuống cấp.

- *Đường liên xã*: các tuyến đường liên xã ở Tủa Chùa có 16 tuyến với tổng chiều dài là 294,3 km.

- *Đường liên thôn bản*: tổng chiều dài 210,3 km đường dân sinh đi đến 138 thôn, kết cấu đường chủ yếu là đường đất, chất lượng kém.

## **b) Thủy lợi**

Thường xuyên kiểm tra các công trình thủy lợi, các hồ chứa, nạo vét kênh mương, chủ động điều tiết nước hợp lý, quản lý chặt chẽ nguồn nước cơ bản đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp.

Trên địa bàn huyện hiện tại có 80 công trình đập dâng và phai tạm. Tổng chiều dài kênh mương là 127 km, trong đó: kênh kiên cố là 115 km, kênh đất là 12 km. Năng lực tưới thiết kế là 2.292,60 ha. Trong đó: vụ chiêm 833,00 ha, vụ mùa 1.459,60 ha, năng lực tưới thực tế là 1.903,7 ha, trong đó vụ chiêm 434,5 ha, vụ mùa 1.469,2 ha.

## **c) Năng lượng**

Tổng số trạm biến áp hiện có là 34 trạm với công suất từ 50 KVA đến 200 KVA/trạm. Đến nay, toàn huyện có 12/12 xã, thị trấn đã có điện lưới quốc gia; 105/120 thôn, bản, tổ dân phố được sử dụng điện lưới quốc gia. Về chất lượng phục vụ, về cơ bản bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện phục vụ sinh hoạt của nhân dân.

## **1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường**

### **1.3.1. Thuận lợi**

- Tủa Chùa là huyện có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh quốc phòng tỉnh Điện Biên.

- Nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của huyện được đầu tư xây dựng; hệ thống đường giao thông, đường điện từ tỉnh đến xã đang từng bước được cải tạo, nâng cấp, xây mới. Hệ thống bệnh viện, trạm y tế, hệ thống trường học dần được kiên cố hóa... phục vụ tốt hơn cho nhu cầu đi lại, sinh hoạt và nâng cao dân trí của người dân.

- Các chính sách hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ đời sống hộ nghèo, hỗ trợ học sinh vùng đặc biệt khó khăn được triển khai; văn hóa xã hội được quan tâm đầu tư, phát triển giúp nâng cao dân trí của người dân.

- Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống, đoàn kết,

cần cù, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước. Đây là một trong những lợi thế phát triển thương mại, du lịch gắn với duy trì bản sắc, văn hóa truyền thống của các dân tộc.

- Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được ổn định và giữ vững.

### ***1.3.2. Khó khăn***

- Tủa Chùa là huyện vùng cao đặc biệt khó khăn của tỉnh Điện Biên, xuất phát điểm về kinh tế thấp, việc huy động nguồn lực tài chính tại chỗ của huyện đạt thấp.

- Cơ sở hạ tầng tuy đã được đầu tư nhưng vẫn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; giao thông đi lại đến một xã còn gặp nhiều khó khăn.

- Tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giảm song vẫn còn ở mức cao; năng lực quản lý, điều hành của một số cơ quan đơn vị và chính quyền cơ sở còn hạn chế.

- Thời tiết, khí hậu diễn biến bất thường rét đậm, rét hại, mưa lũ đã ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống và sản xuất của nhân dân; nhận thức của nhân dân còn hạn chế về chuyển đổi cây trồng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình từ ngân sách nhà nước còn nhiều hạn chế.

- Phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển triển khai, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

- Lao động trong ngành nông nghiệp mang tính chất du canh, du cư phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

## PHẦN II

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

#### 2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021

Thực hiện Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tủa Chùa và Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Phê duyệt bổ sung danh mục các dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện. Kết quả thực hiện các loại đất đến năm 2021 đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào quy củ và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua. Cụ thể như sau:

##### 2.1.1. Kết quả thực hiện các công trình dự án

##### a) Kết quả thực hiện các công trình dự án

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được duyệt và Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên, năm 2021 dự kiến trên địa bàn huyện sẽ thực hiện 32 công trình, dự án với tổng diện tích 154,52 ha (trong đó có 24 công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 với tổng diện tích 103,79 ha; 8 dự án bổ sung giữa năm với tổng diện tích 50,73ha). Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2021 như sau:

- Tổng số công trình, dự án đã thực hiện xong 04 công trình, dự án (đạt tỷ lệ 12,50%) với diện tích thực hiện được theo kế hoạch là 1,92 ha (đạt tỷ lệ 1,24%). Diện tích thực hiện thực tế theo công trình là 1,35 ha (đạt tỷ lệ 0,87%).  
Cụ thể:

STT	Tên Dự án, công trình	Diện tích trong KH 2021	Trong đó: Diện tích đo đạc thực tế	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
1	Nâng cấp tuyến đường từ thôn Dê Dàng 1 xã Sính Phình đến ngã ba giao tuyến C3 đi Trung Thu	1,15	1,15	Sính Phình	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng	0,7	0,13	Mường Báng, TT. Tủa Chùa	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
3	Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại thị trấn Tủa Chùa	0,06	0,06	TT Tủa Chùa	

STT	Tên Dự án, công trình	Diện tích trong KH 2021	Trong đó: Diện tích đo đạc thực tế	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
4	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở TDP Thắng Lợi	0,01	0,01	TT Tòa Chùa	Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 25/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên
	<b>Tổng</b>	<b>1,92</b>	<b>1,35</b>		

- Tổng số công trình, dự án dự kiến sẽ chuyển tiếp thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 23 công trình, dự án (chiếm 71,87%), với tổng diện tích là 143,35 ha (chiếm 92,77%). Cụ thể:

STT	Tên dự án, công trình	Diện tích KH 2021 (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
1	Nâng cấp tuyến đường Tà Huổi Tráng - Đề Chu xã Tòa Thành, huyện Tòa Chùa (Đường Đề Chu - Tòa Thành, xã Tòa Thành)	1,69	Tòa Thành	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
2	Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà	7,11	Tả Phìn, Tòa Thành, Huổi Sớ	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
3	Đường sản xuất cụm dân cư Tà Si Láng	5,49	Tòa Thành, huyện Tòa Chùa	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
4	Đường sản xuất điểm dân cư Huổi Trắng (Đường ra khu sản xuất Huổi Trắng) xã Tòa Thành, vùng tái định cư Tòa Chùa	2,77	Tòa Thành, huyện Tòa Chùa	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
5	Đường Tà Si Láng - Pắc Na, xã Tòa Thành, vùng tái định cư huyện Tòa Chùa	7,50	Tòa Thành, huyện Tòa Chùa	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
6	Đường giao thông Huổi Lóng đến thôn Huổi Ca, xã Huổi Sớ, vùng tái định cư huyện Tòa Chùa	1,80	Huổi Sớ, huyện Tòa Chùa	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021

STT	Tên dự án, công trình	Diện tích KH 2021 (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
7	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ trung tâm xã đến thôn 3 xã Lao Xả Phình)	1,28	Lao Xả Phình	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
8	Nâng cấp tuyến đường thị trấn Tủa Chùa đi Đề Dê Hu	3,05	Sính Phình, TT Tủa Chùa	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
9	Nâng cấp đường trung tâm xã Sính Phình đi Đề Dê Hu	3,07	Sính Phình	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
10	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	20,08	TT Tủa Chùa; Sính Phình, Tả Phìn	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
11	Dự án cầu dân sinh - dự án LRAMP trên địa bàn huyện Tủa Chùa	0,12	huyện Tủa Chùa	Nghị Quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016
12	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô xã Trung Thu đến thôn 3 xã Lao Xả Phình)	7,20	Lao Xả Phình, Trung Thu	Nghị quyết 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
13	Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình	15,00	Trung Thu, Sính Phình	Nghị Quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016
14	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ thôn Lầu Câu Phình đến ngã ba đường Tả Phìn - Tả Sìn Thàng)	3,40	Tả Sìn Thàng, Sính Phình, Trung Thu	Nghị quyết 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
15	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	2,10	Mường Đun	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020
16	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện	22,72	huyện Tủa Chùa	Nghị quyết 395/NQ-HĐND



STT	Tên dự án, công trình	Diện tích KH 2021 (ha)	Địa điểm	Căn cứ pháp lý
	Biên giai đoạn 2014-2021			ngày 11/12/2015
17	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2021	20,66	huyện Tủa Chùa	Nghị quyết 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017
18	Dự án thủy điện Đề Bâu	9,38	Trung Thu	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020
19	San nền khu trung tâm xã Huổi Sớ	3,00	Huổi Sớ	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020
20	Đấu giá đất ở tại đô thị tại thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	0,43	TT Tủa Chùa	
21	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở TDP Thành Công	0,01	TT Tủa Chùa	Quyết định 976/QĐ-UBND tỉnh ngày 25/9/2020
22	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	1,20	TT Tủa Chùa	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
23	Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập chung tại xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	4,29	TT Tủa Chùa	Quyết định 1243/QĐ-UBND tỉnh ngày 26/11/2021
	<b>TỔNG</b>	<b>143,34</b>		

- Tổng số công trình, dự án hủy bỏ đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là 5 công trình, dự án (chiếm 15,63%), với tổng diện tích là 9,25 ha (chiếm 5,99%). Cụ thể:

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Xã	Nghị quyết	Ghi chú
----	----------	----------------	----	------------	---------

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Xã	Nghị quyết	Ghi chú
1	Đường Củ Dẻ Sang (xã Tả Phìn) - Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình), huyện Tủa Chùa (bổ sung diện tích)	8,84	Tả Phìn, lao Xả Phình	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 và 63/NQ-HĐND ngày 13/7/2017	Hủy bỏ do quá 3 năm không thực hiện thu hồi đất
2	Nối tiếp đường nối cụm trung tâm xã Tả Sìn Thàng đến dốc Cánh Tỷ tuyến đường Tả Sìn Thàng - Sín Chải	0,18	Tả Xìn Thàng	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 09/12/2017	Hủy bỏ do quá 3 năm không thực hiện thu hồi đất
3	Xây dựng đường dây 35kv kết nối mạch vòng giữa huyện Tủa Chùa tỉnh Điện Biên và huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La	0,02	huyện Tủa Chùa	Nghị Quyết 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Hủy bỏ do quá 3 năm không thực hiện thu hồi đất
4	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp các TBA phân phối trên địa bàn huyện Tủa Chùa	0,08	huyện Tủa Chùa	Nghị Quyết 97/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Hủy bỏ do quá 3 năm không thực hiện thu hồi đất
5	Cửa hàng xăng dầu xã Mường Báng	0,13	Mường Báng	Quyết định 1617/QĐ-UBND ngày 8/11/2019	Không thực hiện
<b>Tổng</b>		<b>9,25</b>			

**b) Kết quả thực hiện nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện**

Theo kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, năm 2021 trên địa bàn huyện sẽ cho phép 27 hộ gia đình cá nhân tại thị trấn Tủa Chùa chuyển mục đích sử dụng sang đất ở với diện tích 0,46 ha và 01 hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ với diện tích 0,1ha. Đến nay không có hộ gia đình, cá nhân thực hiện chuyển mục đích do phần địa giới hành chính xã Mường Báng sát nhập vào thị trấn Tủa Chùa chưa có quy hoạch chi tiết.

**2.1.2. Đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất**

**a) Đất nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt, diện tích đất nông nghiệp của huyện là 64.051,36 ha, năm 2021 diện tích

là 64.188,54 ha, diện tích cao hơn với kế hoạch được duyệt là 137,18 ha. Do các công trình, dự án lấy từ đất nông nghiệp chưa thực hiện xong nên diện tích không bị giảm đi như kế hoạch. Chi tiết như sau:

**Bảng 2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp năm 2021**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>64.051,36</b>	<b>64.188,54</b>	<b>137,18</b>	<b>100,21</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.621,57	6.640,10	18,53	100,28
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	585,56	589,44	3,88	100,66
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	30.024,25	30.100,76	76,51	100,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.224,00	1.225,79	1,79	100,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	18.420,74	18.366,36	-54,38	99,70
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.675,67	7.774,70	99,03	101,29
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	7.643,63	7.643,63		100,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	78,80	78,80		100,00
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,33	2,04	-4,29	32,18

**Cụ thể các loại đất như sau:**

**\* Đất trồng lúa**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 được duyệt, diện tích đất trồng lúa là 6.621,57 ha, năm 2021 diện tích là 6.640,10 ha, diện tích vượt so với kế hoạch được duyệt là 18,53 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch năm 2021 được duyệt, diện tích đất trồng lúa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 18,63 ha để thực hiện 13 công trình dự án: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa; Kè chống

sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa; Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa; Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà; Đường sản xuất điểm dân cư Huổi Trắng (Đường ra khu sản xuất Huổi Trắng) xã Tủa Thành, vùng tái định cư Tủa Chùa.....Tuy nhiên đến nay diện tích đất trồng lúa giảm 0,1 ha để thực hiện 01 công trình:Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được duyệt là 585,56 ha, năm 2021 diện tích là 589,44 ha, diện tích vượt so với kế hoạch được duyệt là 3,88 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch năm 2021 được duyệt, diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 3,98 ha để thực hiện 6 công trình dự án: Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng; Xây dựng đường dây 35kv kết nối với mạch vòng giữa huyện Tủa Chùa tỉnh Điện Biên và huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa; Dự án thủy điện Đề Bâu; .....Tuy nhiên đến nay thực hiện được 01 công trình, dự án: Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng. Với diện tích đất chuyên trồng lúa nước là: 0,10 ha.

#### **\* Đất trồng cây hàng năm khác**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất trồng cây hàng năm khác được duyệt là 30.024,25 ha, năm 2021 diện tích là 30.100,76 ha, diện tích vượt so với kế hoạch được duyệt là 76,51 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch 2021 được duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 84,49 ha để thực hiện 29/32 công trình, dự án và thực hiện chuyển mục đích sang đất ở. Tuy nhiên đến nay thực hiện xong 03 công trình, dự án sử dụng đất trồng cây hàng năm khác với diện tích 1,06 ha: Nâng cấp tuyến đường từ thôn Dê Dàng 1 xã Sính Phình đến ngã ba giao tuyến C3 đi Trung Thu;Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng; Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại thị trấn Tủa Chùa; Cập nhật diễn biến hiện trạng rừng chuyển 6,92 ha đất hàng năm khác sang đất lâm nghiệp.

#### **\* Đất trồng cây lâu năm**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất trồng cây lâu năm được duyệt là 1.224,00 ha, năm 2021 diện tích là 1.225,79 ha, cao hơn so với kế hoạch được duyệt là 1,79 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch 2021 được duyệt, diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp là 1,94 ha để thực hiện 6 công

trình dự án: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Nâng cấp tuyến đường từ thôn Dê Dàng 1 xã Sính Phình đến ngã ba giao tuyến C3 đi Trung Thu; Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2021....Tuy nhiên đến nay mới thực hiện xong 01 công trình, dự án: Nâng cấp tuyến đường từ thôn Dê Dàng 1 xã Sính Phình đến ngã ba giao tuyến C3 đi Trung Thu với diện tích đất trồng cây lâu năm là 0,15ha.

#### **\* Đất rừng phòng hộ**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất rừng phòng hộ được duyệt là 18.420,74 ha, năm 2021 diện tích là 18.366,36ha, diện tích không đạt so với kế hoạch là 54,38 ha.

Nguyên nhân theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất rừng phòng hộ trong năm 2021 giảm 3,23 ha sang đất phi nông nghiệp để thực hiện 3 công trình dự án: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Xây dựng đường dây 35kv kết nối với mạch vòng giữa huyện Tủa Chùa tỉnh Điện Biên và huyện Quỳnh Nhai tỉnh Sơn La; Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp các TBA phân phối trên địa bàn huyện Tủa Chùa; Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện xong công trình, dự án nào. Phần diện tích chênh lệch còn lại do cập nhật lại hiện trạng rừng phòng hộ theo quyết định 3287/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Tủa Chùa V/v Công bố hiện trạng rừng huyện Tủa Chùa năm 2021.

#### **\* Đất rừng sản xuất**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất rừng sản xuất được duyệt là 7.675,67 ha, năm 2021 diện tích là 7.774,70 ha, diện tích vượt so với kế hoạch đề ra là 99,03 ha.

Nguyên nhân: theo kế hoạch 2021 được duyệt, diện tích đất rừng sản xuất giảm 34,50 ha sang đất phi nông nghiệp để xây dựng 4 công trình, dự án: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Đường Củ Dẻ Sang (xã Tả Phìn) - Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình), huyện Tủa Chùa (bổ sung diện tích); dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2021... Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện được công trình nào. Phần diện tích chênh lệch còn lại do cập nhật lại hiện trạng rừng phòng hộ theo quyết định 3287/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Tủa Chùa V/v Công bố hiện trạng rừng huyện Tủa Chùa năm 2021.

Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên được duyệt là 7.643,63ha, năm 2021 diện tích là 7.643,63ha, giữ nguyên diện tích.

#### **\* Đất nuôi trồng thủy sản**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất nuôi trồng thủy sản được duyệt là 78,80 ha, năm 2021 diện tích là 78,80 ha, Đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất nông nghiệp khác**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất nông nghiệp khác được duyệt là 6,33 ha. Năm 2021, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện là 2,04 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 4,29 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch 2021 được duyệt diện tích đất nông nghiệp khác sẽ tăng 4,29 ha để thực hiện dự án: Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập chung tại xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên đến nay dự án chưa thực hiện xong.

**b) Đất phi nông nghiệp**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp được phê duyệt là 3.578,47 ha, năm 2021 diện tích là 3.433,12 ha, diện tích thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 145,36 ha.

**Bảng 2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2021**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) * 100%
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.578,47</b>	<b>3.433,12</b>	<b>-145,36</b>	<b>95,94</b>
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,63	4,63		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	0,92	0,92		100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,47	1,24	-0,23	84,39
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,26	1,26		100,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	17,71	17,71		100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	953,84	808,25	-145,59	84,74
	<i>Trong đó:</i>					

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
-	Đất giao thông	DGT	724,50	633,87	-90,63	87,49
-	Đất thủy lợi	DTL	39,98	37,88	-2,10	94,75
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,84	0,84		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,85	4,85		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	41,25	41,25		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,73	3,73		100,00
-	Đất công trình năng lượng	DNL	82,36	29,50	-52,86	35,82
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,72	0,72		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,36	0,36		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,10	0,10		100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	52,85	52,85		100,00
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH				
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	2,31	2,31		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	60,78	60,78		100,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,83	3,83		100,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	345,64	345,92	0,28	100,08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	69,23	67,98	-1,26	98,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,51	7,51		100,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	0,02		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.104,72	2.106,17	1,44	100,07
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,74	6,74		100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,09	0,09		100,00

Chi tiết từng loại đất như sau:

**\* Đất quốc phòng**

Năm 2021, diện tích đất quốc phòng của huyện là 4,63 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất an ninh**

Năm 2021, diện tích đất an ninh của huyện là 0,92 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất thương mại, dịch vụ**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 1,47 ha, năm 2021, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện là 1,24 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 0,23 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch được duyệt, năm 2021 dự kiến thực hiện 01 công trình, dự án: Cửa hàng xăng dầu xã Mường Báng và Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (1 hộ). Tuy nhiên đến nay chưa thực hiện xong.

**\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Năm 2021, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 1,26 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

Năm 2021, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 17,71ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất phát triển hạ tầng**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất phát triển hạ tầng được duyệt là 953,84 ha, năm 2021 diện tích là 808,25 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch là 145,59 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch được duyệt, năm 2021 dự kiến thực hiện 25 công trình, dự án đất phát triển hạ tầng với tổng diện tích 146,87 ha. Trong năm 2021 đã thực hiện được 02 công trình: Nâng cấp tuyến đường từ thôn Dê Dàng 1 xã Sính Phình đến ngã ba giao tuyến C3 đi Trung Thu; Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng. với diện tích là: 1,28ha. Chi tiết các loại đất như sau:

**- Đất giao thông**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất giao thông là 724,50 ha, năm 2021 diện tích là: 633,87 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch là 90,63ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch được duyệt năm 2021, diện tích đất giao thông sẽ tăng 91,91 ha do dự kiến thực hiện 19 công trình: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Nâng cấp đường



trung tâm xã Sính Phình đi Đê Dê Hu; Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa..... Trong năm 2021 đã thực hiện được 02 công trình: Nâng cấp tuyến đường từ thôn Dê Dàng 1 xã Sính Phình đến ngã ba giao tuyến C3 đi Trung Thu; Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng. với diện tích là: 1,28ha.

- Đất thủy lợi

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất thủy lợi là 39,98ha, năm 2021 diện tích là: 37,88 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch là 2,10 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch được duyệt năm 2021, diện tích đất thủy lợi sẽ tăng 2,10 ha do dự kiến thực hiện 01 công trình: Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa. Tuy nhiên đến nay công trình chưa thực hiện xong.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Năm 2021, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 0,84 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở y tế

Năm 2021, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 4,85 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Năm 2021, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 41,25 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

Năm 2021, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 41,25 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

Năm 2021, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 3,73 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất công trình năng lượng

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất công trình năng lượng là 82,36 ha, năm 2021 diện tích là: 29,50 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch là 52,86 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch được duyệt năm 2021, diện tích đất công trình năng lượng tăng 52,86 ha do dự kiến thực hiện 05 công trình: Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020; Dự án thủy điện Đê Bâu..... Tuy nhiên đến nay các công trình chưa thực hiện xong.

- Đất công trình bưu chính, viễn thông

Năm 2021, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông là 0,72 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Năm 2021, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa là 0,36 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải

Năm 2021, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 0,10 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Năm 2021, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 52,85 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

- Đất chợ

Năm 2021, diện tích đất chợ là 2,31 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất danh lam thắng cảnh**

Năm 2021, diện tích đất danh lam thắng cảnh của huyện là 60,78 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất sinh hoạt cộng đồng**

Năm 2021, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của huyện là 3,83 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất ở tại nông thôn**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở nông thôn được duyệt là 345,64 ha, năm 2021 diện tích là 345,92 ha, diện tích vượt so với kế hoạch được duyệt 0,28 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đất ở tại nông thôn sẽ chuyển 0,29 ha thực hiện 02 công trình: Đường Củ Di Sang (xã Tả Phìn) - Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình), huyện Tủa Chùa (bổ sung diện tích); Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng. Tuy nhiên đến nay thực hiện xong 01 công trình: Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng với diện tích đất ở tại nông thôn là 0,01 ha.

**\* Đất ở tại đô thị**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở tại đô thị được duyệt là 69,23 ha, năm 2021 diện tích là 67,98 ha, diện tích thấp hơn so với chỉ tiêu kế hoạch là: 1,26 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất ở tại đô thị sẽ giảm 0,003 ha để thực hiện công trình: Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng. Đến nay công trình đã thực hiện xong. Diện tích đất ở tại đô thị dự kiến tăng 1,32 ha để thực hiện các công trình, dự án: Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại thị trấn Tủa Chùa; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Tổ dân phố Đồng

Tâm, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa và Chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân (27 hộ) tại thị trấn. Tuy nhiên đến nay thực hiện xong 01 công trình, dự án: Khu đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại thị trấn Tủa Chùa với diện tích: 0,06 ha.

**\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 7,51 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Năm 2021, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,08 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất cơ sở tín ngưỡng**

Năm 2021, diện tích đất cơ sở tín ngưỡng là 0,02 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất sông, suối**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất sông, suối được duyệt là 2.104,72 ha, năm 2021 diện tích là 2.106,17 ha, diện tích vượt so với chỉ tiêu kế hoạch là: 1,44 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất sông, suối sẽ giảm 1,44 ha để thực hiện 04 công trình, dự án: Đường Củ Di Sang (xã Tả Phìn) - Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình), huyện Tủa Chùa (bổ sung diện tích); Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại Tổ dân phố Đồng Tâm, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa; Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng; Dự án thủy điện Đề Bâu. Tuy nhiên đến nay đã thực hiện xong 01 công trình là Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đội 7 sang đội 5, đội 6 xã Mường Báng. Diện tích thu hồi thực tế của công trình lại không có đất sông, suối.

**\* Đất có mặt nước chuyên dùng**

Năm 2021, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 6,74 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**\* Đất phi nông nghiệp khác**

Năm 2021, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,09 ha, đạt chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

**c) Đất chưa sử dụng**

Theo kế hoạch sử dụng đất năm 2021, diện tích đất chưa sử dụng của huyện được duyệt là 785,05 ha, đến năm 2021 thực hiện là 793,22 ha, diện tích cao hơn so với kế hoạch đề ra là 8,17 ha.

Nguyên nhân: Theo kế hoạch được duyệt diện tích đất chưa sử dụng sẽ giảm 8,17 ha để thực hiện 04 công trình, dự án: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Đường Củ Dỉ Sang (xã Tả Phìn) - Lầu Câu Phình (xã Lao Xả Phình), huyện Tủa Chùa (bổ sung diện tích)... Tuy nhiên đến nay chưa có công trình nào thực hiện xong.

## **2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

- Về số lượng công trình: Tổng số công trình, dự án được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 là 32 công trình, dự án. Trong đó:

+ Công trình thực hiện xong: 4/32 công trình, dự án đạt 12,50%

+ Công trình, dự án chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 23/32 công trình, dự án. Trong đó có 02 công trình đã thu hồi 1 phần diện tích: Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô xã Trung Thu đến thôn 3 xã Lao Xả Phình); Nâng cấp đường trung tâm xã Sính Phình đi Đê Dê Hu và 01 công trình đang trình phương án thu hồi: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình. Các công trình còn lại đang ở các bước khảo sát và đo vẽ quy chủ.

+ Công trình, dự án hủy bỏ đưa ra khỏi kế hoạch sử dụng đất năm 2022: 05 công trình, dự án. Do 03 năm không thực hiện thu hồi đất hoặc không còn nhu cầu thực hiện dự án.

- Về chỉ tiêu sử dụng đất:

+ Đối với các chỉ tiêu đất nông nghiệp 06 chỉ tiêu không đạt và 01 chỉ tiêu đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình, dự án sử dụng quỹ đất nông nghiệp chưa thực hiện xong.

+ Đối với chỉ tiêu đất phi nông nghiệp: có 05 chỉ tiêu không đạt và 11 chỉ tiêu đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình, dự án thực hiện năm 2021 chưa thực hiện xong.

+ Đối với chỉ tiêu đất chưa sử dụng: thực hiện không đạt so với kế hoạch sử dụng đất được duyệt, do các công trình, dự án chưa thực hiện xong.

## **2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2021**

### **\* Nguyên nhân khách quan**

- Kinh phí đầu tư để thực hiện các công trình lớn, nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách địa phương còn hạn chế, nên nhiều công trình, dự án không thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số ngành có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng thực hiện năm kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

***\* Nguyên nhân chủ quan***

Công tác thực hiện các thủ tục như: xin chấp thuận chủ trương đầu tư; phê duyệt đầu tư dự án; xây dựng báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tổ chức lựa chọn nhà thầu, xây dựng phương án bồi thường GPMB... còn mất quá nhiều thời gian dẫn đến các công trình chậm tiến độ.

## PHẦN III

### KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

#### 3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Hiện nay, kế hoạch sử dụng đất 5 năm tỉnh Điện Biên chưa được Chính phủ phê duyệt, do đó chưa có chỉ tiêu phân bổ kế hoạch sử dụng đất cho các huyện, thành phố. Việc đánh giá chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tủa Chùa so với chỉ tiêu phân bổ của tỉnh sẽ được đánh giá sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất.

#### 3.2. Nhu cầu sử dụng đất của các ngành lĩnh vực

##### 3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Chuyển tiếp 4 chỉ tiêu sử dụng đất (*đất phát triển hạ tầng, đất ở tại đô thị, đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất nông nghiệp khác*) trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021 sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để thực hiện 23 công trình, dự án với tổng diện tích 142,91 ha. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	TT dự án	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Nghị Quyết
A	<b>Đất phát triển hạ tầng</b>					
I	Đất giao thông	1	Nâng cấp tuyến đường Tà Huổi Tráng - Đề Chu, xã Tủa Thàng huyện Tủa Chùa (Đường Đề Chu - Tủa Thàng, xã Tủa Thàng)	1,69	Tủa Thàng	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
		2	Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà	7,11	Tả Phìn, Tủa Thàng, Huổi Sớ	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
		3	Đường sản xuất cụm dân cư Tà Si Láng	5,49	Tủa Thàng	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021
		4	Đường sản xuất điểm dân cư Huổi Tráng (Đường ra khu sản xuất Huổi Tráng) xã Tủa Thàng, vùng tái định cư Tủa Chùa	2,77	Tủa Thàng	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021
		5	Đường Tà Si Láng - Pắc Na, xã Tủa Thàng, vùng tái định	7,50	Tủa Thàng	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND

TT	Chỉ tiêu	TT dự án	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Nghị Quyết
			cur huyện Tủa Chùa			ngày 22/8/2021
		6	Đường giao thông Huổi Lóng đến thôn Huổi Ca, xã Huổi Sớ, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa	1,80	Huổi Sớ	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
		7	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ trung tâm xã đến thôn 3 xã Lao Xả Phình)	1,28	Lao Xả Phình	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
		8	Nâng cấp tuyến đường thị trấn Tủa Chùa đi Đê Dê Hu	3,05	Sính Phình, TT Tủa Chùa	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
		9	Nâng cấp đường trung tâm xã Sính Phình đi Đê Dê Hu	3,07	Sính Phình	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
		10	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	20,08	TT Tủa Chùa; Sính Phình, Tả Phìn	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021; Nghị quyết số 65/NQ- HĐND ngày 9/12/2021
		11	Dự án cầu dân sinh - dự án LRAMP trên địa bàn huyện Tủa Chùa	0,12	huyện Tủa Chùa	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016
		12	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô xã Trung Thu đến thôn 3 xã Lao Xả Phình)	7,20	Lao Xả Phình, Trung Thu	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
		13	Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình	15,00	Trung Thu, Sính Phình	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016

TT	Chỉ tiêu	TT dự án	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Nghị Quyết
		14	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ thôn Lầu Câu Phình đến ngã ba đường Tả Phìn - Tả Sìn Thàng)	3,40	Tả Sìn Thàng, Sính Phình, Trung Thu	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
II	Đất thủy lợi	15	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	2,10	Mường Đun	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021
III	Đất công trình năng lượng	16	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020	22,28	huyện Tủa Chùa	Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 11/12/2015
		17	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020	20,66	huyện Tủa Chùa	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017
		18	Dự án thủy điện Đề Bâu	9,38	Trung Thu	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020
B	Đất ở tại đô thị	19	Đấu giá đất ở tại đô thị tại thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	0,43	TT Tủa Chùa	
		20	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở TDP Thành Công	0,01	TT Tủa Chùa	Quyết định 976/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh
		21	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	1,20	TT Tủa Chùa	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
C	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	22	San nền khu trung tâm xã Huổi Sô	3,00	Huổi Sô	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020



TT	Chỉ tiêu	TT dự án	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Nghị Quyết
D	Đất nông nghiệp khác	23	Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập chung tại xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	4,29	TT Tủa Chùa	Quyết định 1243/QĐ-UBND tỉnh ngày 26/11/2020
<b>Tổng</b>				<b>142,91</b>		

### 3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân

#### a) Các công trình, dự án năm 2022

Các công trình, dự án năm 2022 bao gồm 10 công trình, dự án mới và 1 công trình, dự án bổ sung diện tích. Chi tiết như sau:

ST T	Chỉ tiêu	TT dự án	Tên công trình dự án	Diện tích (ha)
A	<b>Công trình, dự án mới</b>			<b>213,63</b>
I	Đất an ninh	1	Trụ sở công an thị trấn Tủa Chùa	0,2
		2	Trụ sở làm việc công an xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	0,2
II	Đất hạ tầng	3	Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	1,10
		4	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa	0,34
III	Đất ở tại nông thôn	5	Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	11,57
IV	Đất ở tại đô thị	6	Giao đất có thu tiền sử dụng đất (các thửa đất nhỏ hẹp tại thị trấn)	0,04
		7	Đấu giá quyền sử dụng đất tại lô 1 (thuộc 1 phần diện tích thửa 477 tờ bản đồ số 120), thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	0,09
		8	Đấu giá quyền sử dụng đất tại lô 2 (thuộc 1 phần diện tích thửa 20 tờ bản đồ số 145), thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	0,015
V	Đất thương mại, dịch vụ	9	Cửa hàng xăng dầu Duy Hồng huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	0,075
VI	Đất trồng cây lâu năm	10	Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Tủa Chùa và huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	200,00

<b>B</b>	<b>Công trình, dự án bổ sung diện tích</b>			<b>23,52</b>
I	Đất hạ tầng	1	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn	23,52
<b>Tổng</b>				<b>237,15</b>

**b) Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:**

Trong năm 2022, trên địa bàn huyện Tủa Chùa 31 hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích với tổng diện tích: 0,62 ha. Trong đó 30 hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Tủa Chùa, xã Mường Báng và xã Xá Nhè đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn với tổng diện tích: 0,52 ha. 01 hộ gia đình, cá nhân tại xã Xá Nhè có nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ với diện tích: 0,1 ha.

**c) Cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp:**

Trong năm 2022, trên địa bàn huyện dự kiến thực hiện cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 11.400,48 ha; trong đó diện tích có rừng là 4.500 ha; diện tích chưa có rừng là 6.900,48 ha.

**3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

**3.3.1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất trong năm 2022 huyện Tủa Chùa**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT hiện trạng 2021 (ha)	DT kế hoạch 2022 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích tự nhiên		68.414,88	68.414,88	
1	Đất nông nghiệp	NNP	64.188,54	64.069,54	-119,00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.640,10	6.622,34	-17,76
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	589,44	583,88	-5,56
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	30.100,76	22.939,63	-7.161,13
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.225,79	1.419,81	194,03
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	18.366,36	23.343,68	4.977,32
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	7.774,70	9.659,26	1.884,56
-	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	7.643,63	7.610,79	-32,84
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	78,80	78,50	-0,30
1.8	Đất làm muối	LMU			-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,04	6,33	4,29
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.433,12	3.558,83	125,72
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,63	4,63	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,92	1,29	0,37

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT hiện trạng 2021 (ha)	DT kế hoạch 2022 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,24	1,42	0,18
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,26	1,26	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	17,71	17,71	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	808,25	921,06	112,81
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	633,87	692,99	59,12
-	Đất thủy lợi	DTL	37,88	38,52	0,64
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,84	0,84	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,85	4,85	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	41,25	42,19	0,94
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,73	3,73	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	29,50	81,82	52,32
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,72	0,72	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,36	0,36	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,10	0,10	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON			
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	52,85	52,84	-0,01
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH			
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH			
-	Đất chợ	DCH	2,31	2,11	-0,20
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	60,78	60,78	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,83	3,83	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	345,92	354,64	8,72
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	67,98	69,84	1,86
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,51	10,51	3,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,08	

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT hiện trạng 2021 (ha)	DT kế hoạch 2022 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	0,02	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.106,17	2.104,95	-1,22
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,74	6,74	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,09	0,09	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	793,22	786,51	-6,71

**Chi tiết các loại đất như sau:**

**a) Đất nông nghiệp**

Nhóm đất nông nghiệp năm 2021 của huyện có diện tích 64.188,54 ha. Đến năm 2022, diện tích nhóm đất nông nghiệp có 64.069,54 ha, giảm 119,00 ha so với năm 2021. Chi tiết các loại đất chỉ tiêu như sau:

**\* Đất trồng lúa**

Nhu cầu sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022 như sau:

- Diện tích đất trồng lúa không thay đổi mục đích so với hiện trạng năm 2021 là 6.622,34 ha.
- Diện tích giảm 17,76 ha do chuyển sang:
  - + Đất hạ tầng: 16,40 ha ( trong đó: Đất giao thông: 10,66 ha; đất thủy lợi: 2,13 ha; đất năng lượng: 3,61 ha)
  - + Đất ở tại nông thôn: 1,00 ha.
  - + Đất ở tại đô thị: 0,66 ha.
- Diện tích giảm để thực hiện các công trình, dự án sau:
  - + Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn.
  - + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tả Chùa, huyện Tả Chùa.
  - + Dự án thủy điện Đề Bâu.
  - + Kè chống sạt lở suối Huồi Luông, thôn bản Hột xã Mường Đun, huyện Tả Chùa.
  - + Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai tại thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tả Chùa.....

Đến năm 2022, diện tích đất trồng lúa của huyện là 6.622,34 ha giảm 17,76 ha so với diện tích hiện trạng năm 2021.

**Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước:**

Nhu cầu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 583,88ha.

- Diện tích đất trồng lúa giảm 5,56 ha do chuyển sang các loại đất:

+ Đất phát triển hạ tầng: 4,50 ha (trong đó: Đất thủy lợi: 2,00 ha; đất công trình năng lượng: 2,50 ha)

+ Đất ở tại nông thôn: 1,00 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 0,36 ha.

- Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án sau:

+ Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn.

+ Kè chống sạt lở suối Huồi Luông, thôn bản Hột xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa.

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa.

+ Dự án thủy điện Dề Bâu.

+ Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai tại thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa.

+ Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa.

Đến năm 2022, diện tích đất chuyên trồng lúa nước của huyện 583,88 ha, giảm 5,56 ha so với hiện trạng năm 2021.

#### **\* Đất trồng cây hàng năm khác**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây hàng năm khác trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 22.939,63 ha.

- Diện tích giảm 7.161,13 ha do chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất trồng cây lâu năm: 200,00 ha.

+ Đất rừng phòng hộ: 4.983,02 ha.

+ Đất rừng sản xuất: 1.917,47 ha.

+ Đất nông nghiệp khác: 4,29 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ: 0,10 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng: 44,76 ha (Trong đó: Đất giao thông: 29,92 ha; đất thủy lợi: 0,32 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,10 ha; đất công trình năng lượng: 13,42 ha)

- + Đất ở tại nông thôn: 7,65 ha.
- + Đất ở tại đô thị: 0,85 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 3,00 ha.

- Diện tích giảm để thực hiện 24/33 công trình, dự án; chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân của thị trấn Tủa Chùa, xã Mường Báng và xã Xá Nhè; Kế hoạch cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện. Một số các công trình, dự án như sau:

+ Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Tủa Chùa và huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

+ Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa.

+ Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà.

+ Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô, xã Trung Thu đến thôn 3, xã Lao Xả Phình).

+ Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa....

Đến năm 2022, diện tích đất trồng cây hàng năm khác của huyện là 22.939,63 ha, giảm 7.161,13 ha so với hiện trạng năm 2021.

#### **\* Đất trồng cây lâu năm**

Nhu cầu sử dụng đất trồng cây lâu năm trong năm 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.219,81ha.

- Diện tích đất giảm 5,98 ha đến chuyển sang các loại đất sau:

+ Đất thương mại, dịch vụ: 0,08 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng: 5,84 ha (trong đó: Đất giao thông: 5,38 ha; đất công trình năng lượng: 0,46 ha).

+ Đất ở tại đô thị: 0,06 ha.

Diện tích giảm để thực hiện một số công trình, dự án sau:

+ Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn.

+ Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình;

+ Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020;

+ Cửa hàng xăng dầu Duy Hồng huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên....

và chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Tủa Chùa.

- Diện tích đất tăng 200,00 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang để thực hiện dự án: Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Tủa Chùa và huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đến năm 2022, diện tích đất trồng cây lâu năm của huyện là 1.419,81 ha, tăng 194,03 ha so với năm 2021.

#### **\* Đất lâm nghiệp**

Trong năm 2022, trên địa bàn huyện dự kiến thực hiện cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp với tổng diện tích là 11.400,48 ha; trong đó diện tích có rừng là 4.500 ha; diện tích chưa có rừng là 6.900,48 ha.

#### **\* Đất rừng phòng hộ**

Nhu cầu sử dụng đất rừng phòng hộ trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 18.360,66ha.

- Diện tích giảm 5,70 ha được chuyển sang đất phát triển hạ tầng 3,20 ha để xây dựng công trình đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình và chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,50 ha để thực hiện công trình, dự án: Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai tại thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa.

- Diện tích đất tăng 4.983,02 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang để thực hiện kế hoạch cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Đến năm 2022, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện 23.343,68 ha, tăng 4.977,33 ha so với hiện trạng năm 2021.

#### **\* Đất rừng sản xuất**

Nhu cầu sử dụng đất rừng sản xuất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 7.741,79ha.

- Diện tích đất giảm 32,91 ha được chuyển sang đất phát triển hạ tầng để xây dựng 4 công trình, một số công trình như sau: Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020; Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa.

- Diện tích đất tăng 1.917,47 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang để thực hiện kế hoạch cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện.

Đến năm 2022, diện tích đất rừng sản xuất của huyện là 9.659,26 ha, tăng 1.884,56 ha so với hiện trạng năm 2021.

Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

Nhu cầu sử dụng đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 7.610,79 ha.

- Diện tích đất giảm 32,84 ha được chuyển sang đất phát triển hạ tầng để xây dựng 3 công trình, một số công trình như sau: Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020; Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình.

Đến năm 2022, diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên của huyện là 7.610,59 ha, giảm 32,84 ha so với năm 2021.

**\* Đất nuôi trồng thủy sản**

Nhu cầu sử dụng đất nuôi trồng thủy sản trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là 78,50 ha.

- Diện tích đất giảm 0,30 ha được chuyển sang đất phát triển hạ tầng để xây dựng 3 công trình, một số công trình như sau: Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phình; Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa; Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa.

Đến năm 2022, diện tích đất nuôi trồng thủy sản của huyện là 78,50 ha, giảm 0,30 ha so với năm 2021.

**\* Đất nông nghiệp khác**

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp khác trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích đất tăng 4,29 ha được chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện dự án: Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập chung tại xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Đến năm 2022, diện tích đất nông nghiệp khác của huyện là 6,33 ha, tăng 4,29 ha so với năm 2021.

**b) Đất phi nông nghiệp**

Đến năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện là 3.558,83 ha, tăng 125,72 ha so với năm 2021. Chi tiết các loại đất như sau:

**\* Đất quốc phòng**

Diện tích đất quốc phòng năm 2022 trên địa bàn huyện là 4,63 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

**\* Đất an ninh**

Nhu cầu sử dụng đất an ninh trong năm kế hoạch 2022 như sau:



- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 0,92 ha.

- Diện tích đất tăng 0,37 ha được chuyển từ đất chợ 0,20 ha và chuyển từ đất ở tại đô thị: 0,17 ha để thực hiện 02 công trình an ninh: Trụ sở công an thị trấn Tủa Chùa; Trụ sở làm việc công an xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa.

Đến năm 2022, diện tích đất an ninh của huyện là 1,29 ha, tăng 0,37 ha so với năm 2021.

**\* Đất thương mại, dịch vụ**

Nhu cầu sử dụng đất thương mại, dịch vụ trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích so với hiện trạng là: 1,24 ha.

- Diện tích đất tăng 0,18 ha được chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,10 ha và đất trồng cây lâu năm: 0,08 ha để thực hiện chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân tại xã Xá Nhè và thực hiện công trình, dự án: Cửa hàng xăng dầu Duy Hồng huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Đến năm 2022, diện tích đất thương mại, dịch vụ của huyện là 1,42 ha, tăng 0,18 ha so với năm 2021.

**\* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2022 của huyện là 1,26 ha, không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021.

**\* Đất sản xuất vật liệu xây dựng**

Đến năm 2022, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm của huyện 17,71 ha, không thay đổi so với năm 2021.

**\* Đất phát triển hạ tầng**

Đến năm 2022, diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện năm 2022 là 921,06 ha, tăng 112,81 ha so với năm 2021. Chi tiết các loại đất như sau:

+ Đất giao thông:

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 633,81ha.

- Diện tích giảm 0,06 ha để chuyển sang đất ở tại đô thị để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa.

- Diện tích tăng 59,18 ha được chuyển từ các loại đất sau:

Đất trồng lúa: 10,80 ha.

Đất trồng cây hàng năm khác: 29,92 ha.

Đất trồng cây lâu năm: 5,38 ha.

Đất rừng phòng hộ: 3,20 ha.

Đất rừng sản xuất: 3,60 ha. Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 3,60 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản: 0,02 ha.

Đất giáo dục: 0,16 ha.

Đất ở tại nông thôn: 2,43 ha.

Đất ở tại đô thị: 0,09 ha.

Đất sông,ngòi, kênh, rạch, suối: 0,59 ha.

Đất chưa sử dụng: 0,84 ha.

Diện tích tăng để thực hiện 14 công trình, dự án giao thông như: Nâng cấp tuyến đường thị trấn Tủa Chùa đi Đê Dê Hu, xã Sính Phình; Đường sản xuất điểm dân cư Huổi Trắng (Đường ra khu sản xuất Huổi Trắng) xã Tủa Thành, vùng tái định cư Tủa Chùa; Đường giao thông Huổi Lóng đến thôn Huổi Ca, xã Huổi Sỏ, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa; ....

Đến năm 2022, diện tích đất giao thông của huyện là 692,99 ha, tăng 59,12 ha so với năm 2021.

+ Đất thủy lợi

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 35,71 ha.

- Diện tích giảm 2,17 ha để chuyển sang đất giao thông 2,14 ha và đất năng lượng 0,03 ha để thực hiện 02 công trình, dự án là: Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn; Dự án thủy điện Đê Bâu.

- Diện tích tăng 2,81 ha được chuyển từ đất trồng lúa: 2,14 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 2,01 ha) và đất trồng cây hàng năm khác: 0,32 ha. Để thực hiện 02 công trình: Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột xã Mùòng Đun, huyện Tủa Chùa; Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa.

Đến năm 2022, diện tích đất thủy lợi của huyện là 38,52 ha, tăng 0,64 ha so với năm 2021.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Đến năm 2022, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa của huyện là 0,84 ha, không thay đổi so với diện tích hiện trạng năm 2021.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế:

Đến năm 2022, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế của huyện là 4,85 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 41,09 ha.
- Diện tích đất tăng 1,10 ha được chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện công trình: Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa.

Diện tích đất giảm 0,16 ha để chuyển sang đất giao thông để thực hiện 05 công trình đường giao thông: Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn; Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô, xã Trung Thu đến thôn 3, xã Lao Xả Phình); Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ thôn Lầu Câu Phình đến ngã ba đường Tả Phìn - Tả Sìn Thàng); Tuyến đường Sinh Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ trung tâm xã Lao Xả Phình đi thôn 3 hướng sang Trung Thu), huyện Tủa Chùa.

Đến năm 2022, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của huyện là 42,19 ha, tăng 0,94 ha so với năm 2021.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

Đến năm 2022, diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao của huyện là 3,73 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

+ Đất công trình năng lượng

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

Diện tích đất tăng 52,32 ha được chuyển từ các loại đất:

Đất trồng lúa: 3,16 ha. (Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 2,05 ha)

Đất trồng cây hàng năm khác: 13,42 ha.

Đất trồng cây lâu năm: 0,46 ha.

Đất rừng sản xuất: 29,24 ha. Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 29,24 ha.

Đất thủy lợi: 0,03 ha.

Đất sông, suối: 0,63 ha.

Đất chưa sử dụng: 5,38 ha.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau: Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020; dự án thủy điện Đê Bâu.

Đến năm 2022, diện tích đất công trình năng lượng của huyện là 81,82 ha, tăng 52,32 ha so với năm 2021.

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông

Đến năm 2022, diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông của huyện là 0,72 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Đến năm 2022, diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa của huyện là 0,36 ha, không thay đổi so với năm 2021.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải

Đến năm 2022, diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện là 0,10 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Đến năm 2022, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng của huyện là 52,84 ha giảm 0,01 ha so với hiện trạng năm 2021 để thực hiện công trình, dự án: Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn.

+ Đất chợ

Đến năm 2022, diện tích đất chợ của huyện là 2,11 ha giảm 0,20 ha với hiện trạng năm 2021 để thực hiện công trình, dự án: Trụ sở làm việc công an xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa.

#### **\* Đất danh lam thắng cảnh**

Diện tích đất danh lam thắng cảnh năm 2022 của huyện là 60,78 ha, không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021.

#### **\* Đất sinh hoạt cộng đồng**

Đến năm 2022, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng của huyện 3,83 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

#### **\* Đất ở tại nông thôn**

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 342,99ha.

- Diện tích đất tăng 11,15 ha được chuyển từ các loại đất sau: Đất trồng lúa: 1,00 ha (Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 1,00ha), đất trồng cây hàng năm khác: 7,65 ha, đất rừng phòng hộ: 2,50 ha.

Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án sau: Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa; và chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại xã Mường Báng và xã Xá Nhè.

- Diện tích đất giảm 2,43 ha để chuyển sang đất giao thông để thực hiện 08 công trình đường giao thông. Một số công trình như: Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà; Đường Tả Si Láng - Pắc Na, xã Tủa Thành, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa; Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn....

Đến năm 2022, diện tích đất ở tại nông thôn của huyện 354,64 ha, tăng 8,72 ha so với năm 2021.

#### **\* Đất ở tại đô thị**

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 67,61 ha.
- Diện tích đất tăng 2,12 ha do chuyển từ các loại đất:
  - + Đất trồng lúa: 0,66 ha. Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước: 0,36 ha.
  - + Đất trồng cây hàng năm khác: 0,85 ha.
  - + Đất trồng cây lâu năm: 0,06 ha.
  - + Đất giao thông: 0,06 ha.
  - + Đất chưa sử dụng: 0,49 ha.

Diện tích đất tăng để thực hiện công trình, dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa; Đấu giá đất ở tại đô thị tại thôn Huổi Lực, thị trấn Tủa Chùa; Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở TDP Thành Công ; Giao đất có thu tiền sử dụng đất (các thửa đất nhỏ hẹp tại thị trấn) và chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân tại thị trấn Tủa Chùa.

- Diện tích đất giảm 0,26 ha để chuyển sang đất an ninh 0,17 ha; đất giao thông 0,09 ha để thực hiện công trình, dự án: Trụ sở công an thị trấn Tủa Chùa; Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn.

Đến năm 2022, diện tích đất ở tại đô thị của huyện là 69,84 ha, tăng 1,86 ha so với năm 2021.

#### **\* Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2022 trên địa bàn huyện là 10,51 ha tăng 3,00 ha lấy từ đất trồng cây hàng năm khác so với năm 2021 để thực hiện công trình: San nền khu trung tâm xã Huổi Xó.

#### **\* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2022 của huyện là 0,08 ha, không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021.

#### **\* Đất cơ sở tín ngưỡng**

Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng năm 2022 của huyện là 0,02 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2021.

### **\* Đất sông, suối**

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 như sau:

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.104,95ha.

- Diện tích đất giảm 1,22 ha để chuyển sang đất công trình năng lượng: 0,63 ha; đất giao thông: 0,59 ha. Diện tích đất giảm để thực hiện các công trình, dự án như: Dự án thủy điện Đề Bâu; Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà; Đường sản xuất cụm dân cư Tả Si Láng, xã Tủa Thàng; Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn...

Đến năm 2022, diện tích đất sông, suối là 2.104,95 ha, giảm 1,22 ha so với năm 2021.

### **\* Đất có mặt nước chuyên dùng**

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng năm 2022 của huyện là 6,74 ha, không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021.

### **\* Đất phi nông nghiệp khác**

Diện tích đất phi nông nghiệp khác năm 2022 của huyện là 0,09 ha, không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng năm 2021.

### **c) Đất chưa sử dụng**

Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch 2022 của huyện như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 786,51ha.

- Diện tích đất giảm 6,71 ha để chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất phát triển hạ tầng: 6,22 ha. (trong đó: Đất giao thông: 0,84 ha; đất công trình năng lượng: 5,38 ha)

- + Đất ở tại đô thị: 0,49 ha.

- Diện tích đất giảm để thực hiện các công trình, dự án như: Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình; Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đầu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa; Giao đất có thu tiền sử dụng đất (các thửa đất nhỏ hẹp tại thị trấn).....

Đến năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng của huyện là 786,51 ha, giảm 6,71 ha so với hiện trạng năm 2021.

### **3.3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022.**

Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được xây dựng trên cơ sở tổng hợp từ nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân.

Việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện là cơ sở, căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện, góp phần phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2022. Chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tủa Chùa cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT kế hoạch 2022 (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		68.414,88	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	64.069,54	93,65
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.622,34	10,34
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	583,88	0,91
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	22.939,63	35,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.419,81	2,22
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	23.343,68	36,43
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	9.659,26	15,08
-	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	7.610,79	11,88
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	78,50	0,12
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	6,33	0,01
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.558,83	5,20
	Trong đó:			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	4,63	0,13
2.2	Đất an ninh	CAN	1,29	0,04
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,42	0,04
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,26	0,04
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	17,71	0,50
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	921,06	25,88
	Trong đó:			
-	Đất giao thông	DGT	692,99	19,47
-	Đất thủy lợi	DTL	38,52	1,08
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,84	0,02

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	DT kế hoạch 2022 (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,85	0,14
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	42,19	1,19
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,73	0,10
-	Đất công trình năng lượng	DNL	81,82	2,30
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,72	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,36	0,01
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,10	0,003
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON		
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	52,84	1,48
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH		
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	2,11	0,06
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	60,78	1,71
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,83	0,11
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	354,64	9,97
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	69,84	1,96
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,51	0,30
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,002
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	0,0004
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.104,95	59,15
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,74	0,19
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,09	0,002
3	Đất chưa sử dụng	CSD	786,51	1,15

**Chi tiết các loại đất như sau:**

**a) Đất nông nghiệp**

Kế hoạch năm 2022, diện tích đất nông nghiệp toàn huyện Tủa Chùa là 64.069,54 ha, chiếm 93,65% tổng diện tích tự nhiên;

Chi tiết các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: 6.622,34 ha, chiếm 10,34% diện tích đất nông nghiệp, được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:



TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	325,59	7	Sính Phình	921,04
2	Huổi Sớ	180,70	8	Tả Phìn	637,75
3	Lao Xả Phình	147,80	9	Tả Sìn Thàng	410,62
4	Mường Báng	1.296,44	10	Trung Thu	171,57
5	Mường Đun	383,97	11	Tủa Thàng	626,37
6	Sín Chải	469,97	12	Xá Nhè	1.050,53
<b>Tổng</b>			<b>6.622,34</b>		

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: 583,88 ha; chiếm 0,91% diện tích đất nông nghiệp.

- Đất trồng cây hàng năm khác 22.939,63 ha, chiếm 35,80% diện tích đất nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	709,96	7	Sính Phình	2.047,14
2	Huổi Sớ	2.155,52	8	Tả Phìn	1.724,42
3	Lao Xả Phình	2.253,83	9	Tả Sìn Thàng	1.480,37
4	Mường Báng	1.870,52	10	Trung Thu	2.366,42
5	Mường Đun	543,21	11	Tủa Thàng	3.677,05
6	Sín Chải	2.719,25	12	Xá Nhè	1.391,94
<b>Tổng</b>			<b>22.939,63</b>		

- Đất trồng cây lâu năm: 1.419,81 ha, chiếm 2,22% diện tích đất nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	132,94	7	Sính Phình	290,20
2	Huổi Sớ	53,66	8	Tả Phìn	68,45
3	Lao Xả Phình	57,47	9	Tả Sìn Thàng	84,22
4	Mường Báng	175,40	10	Trung Thu	135,46
5	Mường Đun	88,52	11	Tủa Thàng	73,67
6	Sín Chải	119,31	12	Xá Nhè	140,51
<b>Tổng</b>			<b>1.419,81</b>		

- Đất rừng phòng hộ: 23.343,68 ha, chiếm 36,43% diện tích đất nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	25,20	7	Sính Phình	2.104,16

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
2	Huổi Sớ	2.466,81	8	Tả Phìn	2.097,63
3	Lao Xả Phình	1.539,78	9	Tả Sìn Thàng	1.917,35
4	Mường Báng	1.302,34	10	Trung Thu	1.350,20
5	Mường Đùn	1.935,19	11	Tủa Thàng	2.522,68
6	Sín Chải	4.150,16	12	Xá Nhè	1.932,17
<b>Tổng</b>			<b>23.343,68</b>		

- Đất rừng sản xuất: 9.659,2610 ha, chiếm 15,08% diện tích đất nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	11,71	7	Sính Phình	1.302,38
2	Huổi Sớ	602,12	8	Tả Phìn	387,78
3	Lao Xả Phình	775,30	9	Tả Sìn Thàng	931,93
4	Mường Báng	676,40	10	Trung Thu	1.020,57
5	Mường Đùn	669,03	11	Tủa Thàng	1.182,07
6	Sín Chải	818,37	12	Xá Nhè	1.281,60
<b>Tổng</b>			<b>9.659,26</b>		

Trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên: 7.610,79 ha; chiếm 11,88% tổng diện tích đất nông nghiệp.

- Đất nuôi trồng thủy sản: 78,50 ha, chiếm 0,12% diện tích đất nông nghiệp, được phân bổ trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	16,26	7	Sính Phình	1,33
2	Huổi Sớ	1,20	8	Tả Phìn	1,40
3	Lao Xả Phình		9	Tả Sìn Thàng	1,03
4	Mường Báng	5,10	10	Trung Thu	0,47
5	Mường Đùn	17,58	11	Tủa Thàng	12,06
6	Sín Chải	0,87	12	Xá Nhè	21,20
<b>Tổng</b>			<b>78,50</b>		

- Đất nông nghiệp khác: 6,33 ha chiếm 0,01% diện tích nông nghiệp, phân bổ tại thị trấn Tủa Chùa 5,99 ha, xã Xá Nhè 0,33 ha.

#### **b) Đất phi nông nghiệp**

Kế hoạch năm 2022, diện tích đất phi nông nghiệp toàn huyện Tủa Chùa là 3.558,83 ha, chiếm 5,20% tổng diện tích tự nhiên.

#### **Chi tiết các loại đất như sau:**

- Đất quốc phòng: 4,63 ha, chiếm 0,13% diện tích đất phi nông nghiệp, được phân bổ tại thị trấn Tủa Chùa.

- Đất an ninh: 1,29 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bổ tại thị trấn Tủa Chùa: 0,76 ha; xã Tủa Thàng: 0,33 ha; xã Xá Nhè: 0,20 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ: 1,42 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bổ tại thị trấn Tủa Chùa (1,32 ha) và xã Xá Nhè (0,10 ha).

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,26 ha, chiếm 0,04% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	0,87	4	Sính Phình	0,16
2	Sín Chải	0,12	5	Tả Phìn	0,04
3	Tả Sìn Thàng	0,08	<b>Tổng</b>		<b>1,26</b>

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng: 17,71 ha, chiếm 0,5% diện tích đất phi nông nghiệp; phân bổ tại thị trấn Tủa Chùa (5,67 ha), Sính Phình (0,83 ha), Xá Nhè (11,21 ha).

- Đất phát triển hạ tầng: 921,06 ha, chiếm 25,88% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	98,81	7	Sính Phình	117,61
2	Huổi Sớ	51,19	8	Tả Phìn	61,34
3	Lao Xả Phình	33,14	9	Tả Sìn Thàng	43,65
4	Mường Báng	135,56	10	Trung Thu	66,76
5	Mường Đun	51,18	11	Tủa Thàng	106,51
6	Sín Chải	61,49	12	Xá Nhè	93,81
<b>Tổng</b>			<b>921,06</b>		

#### **Chi tiết các loại đất như sau:**

+ Đất giao thông: 692,99 ha, chiếm 19,47% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	57,68	7	Sính Phình	104,43
2	Huổi Sớ	35,93	8	Tả Phìn	52,26
3	Lao Xả Phình	24,18	9	Tả Sìn Thàng	34,41
4	Mường Báng	114,36	10	Trung Thu	36,47
5	Mường Đun	34,25	11	Tủa Thàng	83,71
6	Sín Chải	43,88	12	Xá Nhè	71,45

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
<b>Tổng</b>			<b>692,99</b>		

+ Đất thủy lợi: 38,52 ha, chiếm 1,08% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	9,23	7	Sính Phình	1,23
2	Huổi Sớ	1,12	8	Tả Phìn	2,32
3	Lao Xả Phình	0,53	9	Tả Sìn Thàng	0,20
4	Mường Báng	3,91	10	Trung Thu	0,17
5	Mường Đun	6,70	11	Tủa Thàng	4,31
6	Sín Chải	1,28	12	Xá Nhè	7,52
<b>Tổng</b>			<b>38,52</b>		

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,84 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	0,35	5	Sính Phình	0,03
2	Sín Chải	0,06	6	Tả Phìn	0,06
3	Lao Xả Phình	0,15	7	Tả Sìn Thàng	0,09
4	Sín Chải	0,06	8	Tủa Thàng	0,05
<b>Tổng</b>			<b>0,84</b>		

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: 4,85 ha, chiếm 0,14% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	1,95	7	Sính Phình	0,57
2	Huổi Sớ	0,13	8	Tả Phìn	0,15
3	Lao Xả Phình	0,18	9	Tả Sìn Thàng	0,45
4	Mường Báng		10	Trung Thu	0,33
5	Mường Đun	0,32	11	Tủa Thàng	0,14
6	Sín Chải	0,17	12	Xá Nhè	0,46
<b>Tổng</b>			<b>4,85</b>		

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 42,19 ha, chiếm 1,19% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	10,93	7	Sính Phình	3,34
2	Huổi Sớ	1,98	8	Tả Phìn	2,06
3	Lao Xả Phình	1,16	9	Tả Sìn Thàng	3,44
4	Mường Báng	1,57	10	Trung Thu	2,74
5	Mường Đun	4,21	11	Tủa Thàng	3,69
6	Sín Chải	2,39	12	Xá Nhè	4,68
<b>Tổng</b>			<b>42,19</b>		

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: 3,73 ha, chiếm 0,10% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại 04 xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau: Thị trấn Tủa Chùa: 2,26 ha; xã Mường Đun: 0,32 ha; xã Tủa Thàng: 0,20 ha; xã Xá Nhè: 0,95 ha.

+ Đất công trình năng lượng: 81,82 ha, chiếm 2,30% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	4,21	7	Sính Phình	7,67
2	Huổi Sớ	4,12	8	Tả Phìn	3,75
3	Lao Xả Phình	3,58	9	Tả Sìn Thàng	3,79
4	Mường Báng	13,59	10	Trung Thu	25,65
5	Mường Đun	3,68	11	Tủa Thàng	3,98
6	Sín Chải	3,64	12	Xá Nhè	4,15
<b>Tổng</b>			<b>81,82</b>		

+ Đất công trình bưu chính, viễn thông: 0,72 ha, chiếm 0,02% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	0,29	7	Sính Phình	0,03
2	Huổi Sớ	0,03	8	Tả Phìn	0,04
3	Lao Xả Phình	0,07	9	Tả Sìn Thàng	0,12
4	Mường Báng		10	Trung Thu	0,03
5	Mường Đun	0,03	11	Tủa Thàng	0,04
6	Sín Chải	0,04	12	Xá Nhè	0,02
<b>Tổng</b>			<b>0,72</b>		

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,36 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại xã Tả Phìn.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 0,1 ha, chiếm 0,003% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại xã Xá Nhè.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 52,84 ha, chiếm 1,48% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	10,96	7	Sính Phình	0,31
2	Huổi Sớ	7,62	8	Tả Phìn	0,34
3	Lao Xả Phình	3,29	9	Tả Sìn Thàng	0,90
4	Mường Báng	2,13	10	Trung Thu	1,38
5	Mường Đun	1,67	11	Tủa Thàng	10,29
6	Sín Chải	10,04	12	Xá Nhè	3,91
<b>Tổng</b>			<b>52,84</b>		

+ Đất chợ: 2,11 ha, chiếm 0,06% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại 05 xã và thị trấn: Thị trấn Tủa Chùa: 0,95 ha; xã Huổi Sớ: 0,27 ha; xã Tả Sìn Thàng: 0,26 ha; xã Tủa Thàng: 0,11 ha; xã Xá Nhè: 0,52 ha.

- Đất danh lam thắng cảnh: 60,78 ha, chiếm 1,71% diện tích phi nông nghiệp, tập trung tại xã Xá Nhè 32,79 ha, xã Huổi Sớ 19,50 ha, xã Mường Đun 5,28 ha, xã Sín Chải 3,21 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 3,83 ha, chiếm 0,11% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	0,94	7	Sính Phình	0,70
2	Huổi Sớ	0,41	8	Tả Phìn	0,08
3	Lao Xả Phình	0,10	9	Tả Sìn Thàng	
4	Mường Báng	0,33	10	Trung Thu	0,15
5	Mường Đun	0,15	11	Tủa Thàng	0,59
6	Sín Chải	0,12	12	Xá Nhè	0,25
<b>Tổng</b>			<b>3,83</b>		

- Đất ở tại nông thôn: 354,64 ha, chiếm 9,97% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bổ tại các xã trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa		7	Sính Phình	42,22
2	Huổi Sớ	21,47	8	Tả Phìn	30,57
3	Lao Xả Phình	18,08	9	Tả Sìn Thàng	28,05

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
4	Mường Báng	46,43	10	Trung Thu	23,44
5	Mường Đun	33,32	11	Tủa Thàng	34,73
6	Sín Chải	30,98	12	Xá Nhè	45,36
<b>Tổng</b>			<b>354,64</b>		

- Đất ở tại đô thị: 69,84 ha, chiếm 1,96% diện tích đất phi nông nghiệp; phân bố tại thị trấn Tủa Chùa.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 10,51 ha, chiếm 0,30% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bố tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	4,20	7	Sính Phình	0,17
2	Huổi Sớ	3,24	8	Tả Phìn	0,17
3	Lao Xả Phình	0,11	9	Tả Sìn Thàng	0,27
4	Mường Báng		10	Trung Thu	0,08
5	Mường Đun	0,25	11	Tủa Thàng	0,15
6	Sín Chải	0,22	12	Xá Nhè	1,64
<b>Tổng</b>			<b>10,51</b>		

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan của tổ chức sự nghiệp: 0,08 ha, chiếm 0,002% diện tích đất phi nông nghiệp, phân bố tại thị trấn Tủa Chùa.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,02 ha, phân bố tại xã Tả Sìn Thàng.

- Đất sông, suối: 2.104,95 ha, chiếm 59,15% diện tích đất phi nông nghiệp, được phân bố tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	14,56	7	Sính Phình	55,04
2	Huổi Sớ	777,03	8	Tả Phìn	29,12
3	Lao Xả Phình	114,56	9	Tả Sìn Thàng	63,38
4	Mường Báng	73,87	10	Trung Thu	80,54
5	Mường Đun	24,87	11	Tủa Thàng	498,51
6	Sín Chải	333,65	12	Xá Nhè	39,82
<b>Tổng</b>			<b>2.104,95</b>		

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 6,74 ha, chiếm 0,19% diện tích đất phi nông nghiệp; được phân bố tại xã Tả Phìn 0,15 ha, thị trấn Tủa Chùa 6,59 ha.

- Đất phi nông nghiệp khác: 0,09 ha, phân bố tại thị trấn Tủa Chùa.

### c) Đất chưa sử dụng

Kế hoạch năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng của huyện Tủa Chùa là 786,51 ha, chiếm 1,15% tổng diện tích tự nhiên; được phân bổ tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như sau:

TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)	TT	Xã, thị trấn	Diện tích (ha)
1	Thị trấn Tủa Chùa	12,99	7	Sính Phình	130,35
2	Huổi Sớ	8,99	8	Tả Phìn	49,67
3	Lao Xả Phình	50,37	9	Tả Sìn Thàng	89,00
4	Mường Báng	47,43	10	Trung Thu	137,10
5	Mường Đun	3,64	11	Tủa Thàng	16,65
6	Sín Chải	167,09	12	Xá Nhè	73,22
<b>Tổng</b>			<b>786,51</b>		

### 3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm 2022, diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 119,01 ha, cụ thể:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 17,76 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 56,36ha.
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp là 5,98 ha.
- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 5,70 ha.
- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 32,91 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,30 ha.

*(Chi tiết tại biểu 07/CH)*

### 3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Trong năm 2022, diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 118,31 ha, bao gồm:

- + Đất trồng lúa cần thu hồi 17,76 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác 55,80 ha;



- + Đất trồng cây lâu năm 5,84 ha;
- + Đất rừng phòng hộ 5,70 ha;
- + Đất rừng sản xuất 32,91 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,30 ha;
- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 33,96 ha, bao gồm:
- + Đất phát triển hạ tầng: 29,55 ha.
- + Đất ở tại nông thôn: 2,93 ha.
- + Đất ở tại đô thị: 0,26 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,002 ha.
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 1,22 ha.

(Chi tiết tại biểu 08/CH)

### 3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm 2022, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 6,71 ha, do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 6,22 ha và chuyển sang đất ở tại đô thị: 0,49 ha.

(Chi tiết tại biểu 09/CH)

### 3.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022

Tổng số công trình, dự án trong năm kế hoạch 2022 huyện Tủa Chùa là 33 công trình, dự án với tổng diện tích: 380,46 ha. Trong đó 23 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tủa Chùa và 10 công trình, dự án xác định trong năm 2022. Cụ thể các công trình, dự án như sau:

STT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích (ha)	căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>			
<b>1.1</b>	<b>Công trình an ninh, quốc phòng</b>			
1	Trụ sở công an thị trấn Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	0,20	Thông báo 43-TB/TU ngày 01/12/2020 của Tỉnh Ủy Điện Biên
2	Trụ sở làm việc công an xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	Xá Nhè	0,20	Văn bản số 1038/CAT-PH10 ngày 25/4/2022 của Công an tỉnh Điện Biên

STT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích (ha)	căn cứ pháp lý
<b>II</b>	<b>Các công trình, dự án còn lại</b>			
<b>2.1</b>	<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</b>			
<b>2.1.1</b>	<b>Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2022</b>			
<b>a</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng</b>			
<b>a1</b>	<b>Đất giao thông</b>			
1	Nâng cấp tuyến đường Tà Huổi Tráng - Đề Chu, xã Tủa Thàng huyện Tủa Chùa (Đường Đề Chu - Tủa Thàng, xã Tủa Thàng)	Tủa Thàng	1,69	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
2	Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà	Tả Phìn, Tủa Thàng, Huổi Sớ	7,11	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
3	Đường sản xuất cụm dân cư Tả Si Láng, xã Tủa Thàng	Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	5,49	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
4	Đường sản xuất điểm dân cư Huổi Tráng (Đường ra khu sản xuất Huổi Tráng) xã Tủa Thàng, vùng tái định cư Tủa Chùa	Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	2,77	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
5	Đường Tả Si Láng - Pắc Na, xã Tủa Thàng, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa	Tủa Thàng, huyện Tủa Chùa	7,50	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
6	Đường giao thông Huổi Lóng đến thôn Huổi Ca, xã Huổi Sớ, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa	Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa	1,80	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021
7	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sin Thàng (từ trung tâm xã đến thôn 3 xã Lao Xả Phình)	Lao Xả Phình	1,28	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
8	Nâng cấp tuyến đường thị trấn Tủa Chùa đi Đề Dê Hu	Sính Phình, TT Tủa Chùa	3,05	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
9	Nâng cấp đường trung tâm xã Sính Phình đi Đề Dê Hu	Sính Phình	3,07	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019
10	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	TT Tủa Chùa; Sính Phình, Tả Phìn	43,60	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021; Nghị quyết số

STT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích (ha)	căn cứ pháp lý
				65/NQ- HĐND ngày 9/12/2021; Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 08/7/2022
11	Dự án cầu dân sinh - dự án LRAMP trên địa bàn huyện Tủa Chùa	huyện Tủa Chùa	0,12	Nghị Quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016
12	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ bản Phô xã Trung Thu đến thôn 3 xã Lao Xả Phình)	Lao Xả Phình, Trung Thu	7,20	Nghị quyết 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
13	Đường dân sinh Đèo Gió - Vàng Chua đến Km2 đường Trung Thu - Lao Xả Phình	Trung Thu, Sính Phình	15,00	Nghị Quyết 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2016
14	Tuyến đường Sính Phình - Trung Thu - Lao Xả Phình - Tả Sìn Thàng (từ thôn Lầu Câu Phình đến ngã ba đường Tả Phìn - Tả Sìn Thàng)	Tả Sìn Thàng, Sính Phình, Trung Thu	3,40	Nghị quyết 122/NQ-HĐND ngày 10/7/2019
<b>a2</b>	<b>Đất thủy lợi</b>			
15	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột xã Mường Dun, huyện Tủa Chùa	Mường Dun	2,50	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021
<b>a3</b>	<b>Đất công trình năng lượng</b>			
16	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020	huyện Tủa Chùa	22,28	Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 11/12/2015
17	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020	huyện Tủa Chùa	20,66	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017
18	Dự án thủy điện Đề Bâu	Trung Thu	9,38	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020
<b>b</b>	<b>Đất ở tại đô thị</b>			
19	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm thị, trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	1,20	Nghị quyết 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019

STT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích (ha)	căn cứ pháp lý
<b>c</b>	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>			
20	San nền khu trung tâm xã Huổi Sớ	Huổi Sớ	3,00	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020
<b>2.1.2</b>	<b>Công trình năm 2022</b>			
<b>a</b>	<b>Đất phát triển hạ tầng</b>			
<b>a1</b>	<b>Đất thủy lợi</b>			
1	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	0,34	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 02/4/2022
<b>a2</b>	<b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>			
2	Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	Mường Đun	1,10	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021
<b>b</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>			
3	Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai tại thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	Mường Báng	11,57	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 02/4/2022
<b>2.2</b>	<b>Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất</b>			
1	Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập chung tại xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	TT Tủa Chùa	4,29	Quyết định 1243/QĐ-UBND tỉnh ngày 26/11/2020
2	Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Tủa Chùa và huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	Mường Báng, Mường Đun, Tủa Thành, Huổi Xớ, Xá Nhè, Sính Phình, TT Tủa Chùa	200,00	Thông báo số 322-TB-TU ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Tỉnh Ủy Điện Biên
<b>2.3</b>	<b>Các khu vực sử dụng đất</b>			

STT	Tên công trình	Địa điểm (đến cấp xã)	Diện tích (ha)	căn cứ pháp lý
	<b>khác</b>			
<b>2.3.1</b>	<b>Đấu giá đất ở tại đô thị</b>			
1	Đấu giá quyền sử dụng đất tại lô 1 (thuộc 1 phần diện tích thửa 477 tờ bản đồ số 120), thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	0,09	Thông báo 403-TB-HU huyện Tủa Chùa ngày 5/10/2021
2	Đấu giá quyền sử dụng đất tại lô 2 (thuộc 1 phần diện tích thửa 20 tờ bản đồ số 145), thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	0,015	Thông báo 403-TB-HU huyện Tủa Chùa ngày 5/10/2021
3	Đấu giá đất ở tại đô thị tại thôn Huổi Lự, thị trấn Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	0,43	
4	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở TDP Thành Công	TT Tủa Chùa	0,01	Quyết định số 976/QĐ-UBND tỉnh ngày 25/9/2020
<b>2.3.2</b>	<b>Giao đất có thu tiền không thông qua đấu giá đất</b>			
1	Giao đất có thu tiền sử dụng đất (các thửa đất nhỏ hẹp tại thị trấn)	TT Tủa Chùa	0,04	QĐ 1084/QĐ-UBND huyện Tủa Chùa ngày 22/6/2017
<b>2.3.3</b>	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>	<b>TT Chủa Chùa</b>		
1	Cửa hàng xăng dầu Duy Hồng huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	TT Chủa Chùa	0,08	QĐ 490/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 của UBND tỉnh Điện Biên
<b>Tổng</b>			<b>380,46</b>	

### **3.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

#### ***3.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai***

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch của huyện Tủa Chùa được dựa trên các căn cứ chính sau đây:

- Luật Đất đai 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 03 năm 2015 ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng và vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
- Quyết định số 14/2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Ban hành quy định về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 1 năm 2017 của UBND tỉnh Điện Biên quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### ***3.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai***

#### **a) Dự kiến các khoản thu**

- Bao gồm thu từ việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.
- Thu từ thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn huyện.

#### **b) Dự kiến các khoản chi**

Bao gồm chi cho việc bồi thường tái định cư, bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc, cây trồng và vật nuôi trên đất.

Trong năm 2021, trên địa bàn huyện tổng các khoản thu từ đất: 359,00 triệu đồng.

Dự kiến các khoản thu chi trong năm 2022 như sau:

**Bảng 3.1. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2022 huyện Tủa Chùa**

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
-----	----------	----------------	--------------------------------------	-------------------------

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Các khoản thu</b>			<b>20.262,80</b>
1	Thu từ đầu giá quyền sử dụng đất			16.464,00
1.1	<i>Đầu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tủa Chùa</i>	1,68	980	16.464,00
2	Thu từ chuyển mục đích sử dụng đất			2.380,00
2.1	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất tại thị trấn</i>	0,44	500	2.200,00
2.2	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Mường Báng</i>	0,02	300	60,00
2.3	<i>Chuyển mục đích sử dụng đất tại xã Xá Nhè</i>	0,06	200	120,00
3	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp	5,56	23	1.278,80
4	Tiền thuê đất thương mại, dịch vụ	0,18	100	140,00
<b>II</b>	<b>Các khoản chi</b>			<b>19.462,40</b>
1	Chi bồi thường thu hồi đất trồng lúa nước còn lại (1 vụ)	3,51		226,20
1.1	<i>Thị trấn Tủa Chùa</i>	0,78	33	257,40
1.2	<i>Các xã Lao Xả Phình, Tủa Thành, Trung Thu, Tả Phìn</i>	1,86	20	372,00
1.3	<i>Mường Đun, Sính Phình</i>	0,87	26	226,20
2	Chi bồi thường thu hồi đất trồng lúa nương	8,69		1.786,00
2.1	<i>Các xã Mường Báng, Mường Đun, Xá Nhè, Sính Phình</i>	0,80	26	208,00
2.2	<i>Các xã Tả Phìn, Tủa Thành, Trung Thu, Lao Xả Phình, Tả Sìn Thành, Sín Chải, Huổi Sớ</i>	7,89	20	1.578,00
3	Chi bồi thường thu hồi đất, hoa màu trên đất trồng cây hàng năm	54,84		13.336,40
3.1	<i>Thị trấn Tủa Chùa</i>	6,7	28	1.876,00
3.2	<i>Các xã Mường Báng, Mường Đun, Xá Nhè, Sính Phình</i>	19,41	25	4.852,50

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (nghìn đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
3.3	<i>Các xã Tả Phình, Tủa Thành, Trung Thu, Lao Xả Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Huổi Sớ</i>	28,73	23	6.607,90
4	Chi bồi thường thu hồi đất, cây trồng trên đất trồng cây lâu năm	2,5		638,90
4.1	<i>Thị trấn Tủa Chùa</i>	0,21	33	69,30
4.2	<i>Các xã Mường Báng, Mường Đun, Xá Nhè, Sính Phình</i>	1	26	260,00
4.3	<i>Các xã Tả Phình, Tủa Thành, Trung Thu, Lao Xả Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Huổi Sớ</i>	1,29	24	309,60
5	Chi bồi thường thu hồi đất lâm nghiệp	38,61	9	3.474,90
<b>III</b>	<b>Cân đối thu - chi (I - II)</b>			<b>800,40</b>

Dự kiến các khoản thu chi trong năm kế hoạch sử dụng đất 2022 như sau:

- Tổng các khoản thu: 20.262,80 triệu đồng.
- Tổng các khoản chi: 19.462,40 triệu đồng.
- Cân đối thu - chi: 800,40 triệu đồng.

Trên đây là dự kiến thu chi giả định dựa trên khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó.



## PHẦN IV

### GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

#### 4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, nông học, hóa học, cơ học.... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu. Trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp với quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo, nâng cao độ phì của đất; bảo vệ tầng đất canh tác; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất.

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có đồng thời tích cực khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, trồng cây phân tán trong các khu vực phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn....

#### 4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Khuyến khích toàn xã hội và các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư cho sản xuất kinh doanh hướng vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với các mục tiêu xã hội, phát huy được tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Cải thiện môi trường đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp huyện, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp triển khai các dự án nông nghiệp, du lịch... xã hội hóa để thu hút đầu tư trong các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, khoa học công nghệ và môi trường.....

- Chủ động thu hồi đất theo kế hoạch. Đẩy mạnh việc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai.

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

#### 4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- *Tổ chức thực hiện:*

+ Ủy ban nhân dân huyện:

Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách liên quan trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các dự án, công trình phát triển hạ tầng, công trình phúc lợi xã hội và các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách.

Chỉ đạo các ngành, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt; thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất.

+ Phòng tài nguyên và môi trường:

Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo quy định.

Tăng cường công tác quản lý, thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

+ Các phòng ban khác: Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

+ UBND các xã, thị trấn: thực hiện công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất được duyệt theo sự hướng dẫn Phòng Tài nguyên và Môi trường. Hội đồng nhân dân cấp xã giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của địa phương mình.

*- Giải pháp về quản lý, giám sát kế hoạch sử dụng đất:*

Công bố, công khai kịp thời nội dung kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ và nhân dân về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo ra sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất. Phát huy vai trò của cấp Ủy, tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến xã, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý và sử dụng đất đai. Đồng thời biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả.

#### **4.4. Các giải pháp khác**

\* Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Quản lý, sử dụng đất: Thực hiện nghiêm, tích cực tuyên truyền hệ thống các hướng dẫn, quy định về thực hiện Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

- Chính sách hỗ trợ:

Rà soát, bổ sung cơ chế, chính sách tạo môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn; chú trọng việc phát huy được lợi thế, khắc phục hạn chế thu hút đầu tư theo từng ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư sản xuất sạch, thân thiện với môi trường, dự án đầu tư ở địa bàn nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp địa phương tăng sức cạnh tranh và hội nhập. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm,

Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư để phát triển sản xuất công nghiệp, kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển quỹ nhà ở đô thị, xã hội hóa các dịch vụ xã hội về y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa, dịch vụ, phát triển làng nghề, kinh tế trang trại ở nông thôn để tạo việc làm và thu nhập cho người dân.

- Chính sách về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án: Thực hiện tốt công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi. Có kế hoạch hỗ trợ tư vấn, đào tạo nghề cho các đối tượng có đất bị thu hồi mà phải chuyển đổi nghề nghiệp.

#### \* Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

- Tăng cường đầu tư ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, đồng bộ về phần mềm, thiết bị vi tính, chuẩn hóa, đồng bộ, số hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu thông tin về đất đai và bản đồ; tăng cường công tác đào tạo tập huấn chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cho cán bộ ngành Tài nguyên & Môi trường các cấp, thanh tra, kiểm tra sử dụng công nghệ, cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trong canh tác nông nghiệp bền vững, tăng độ phì của đất, phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, áp dụng giống mới thích nghi với biến đổi khí hậu để tăng năng suất cây trồng, tăng khả năng chịu hạn, gãy đổ do gió mạnh để tăng hiệu quả sử dụng đất đai, giá trị sản xuất trên đơn vị đất sử dụng.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Tủa Chùa được xây dựng dựa trên nhu cầu của các ngành, các xã, thị trấn đảm bảo đáp ứng quỹ đất cho phát triển các ngành, các lĩnh vực; có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường. Đồng thời là công cụ quan trọng để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện trong năm 2022.

- Đất phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng khu vực. Đáp ứng được nhu cầu của người dân địa phương và đảm bảo mục tiêu đô thị hoá.

- Các loại đất để phát triển cơ sở hạ tầng được xem xét và tính toán cho mọi loại đất từ đất giao thông, thủy lợi,... trên cơ sở đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của cả giai đoạn và từng năm, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm đất.

### **2. Kiến nghị**

Thời gian thực hiện kế hoạch sử dụng đất là rất ngắn, trong khi khối lượng công việc của các ngành, các địa phương liên quan đến nhu cầu sử dụng đất lại rất lớn như xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng các tuyến đường giao thông, sắp xếp khu dân cư... Vì vậy để kế hoạch có tính khả thi cao, UBND huyện Tủa Chùa đề xuất một số kiến nghị UBND tỉnh, các Sở ban ngành một số vấn đề sau:

- UBND tỉnh, các Sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của huyện.

- Đầu tư, hỗ trợ kinh phí để huyện hoàn thiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện.

- Đề nghị Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ về giống, kỹ thuật để phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung như: vùng chè đặc sản, cây ăn quả tập trung có giá trị kinh tế cao...